



Phụ lục
DANH MỤC 151 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN KHÔNG PHỤ THUỘC
VÀO ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2720/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Cấp thực hiện	DVC trực tuyến
1	1.014466	Công nhận kết quả thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Cấp Tỉnh	Một phần
2	1.014461	Đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Cấp Tỉnh	Toàn trình
3	1.014460	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước.	Cấp Tỉnh	Toàn trình
4	1.014459	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Cấp Tỉnh	Toàn trình
5	1.014464	Thủ tục cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu trong lĩnh vực báo chí, xuất bản.	Cấp Tỉnh	Toàn trình
6	1.014465	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu trong lĩnh vực báo chí, xuất bản.	Cấp Tỉnh	Toàn trình
7	1.014452	Thủ tục sửa đổi, chấm dứt Hợp đồng tài trợ thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo.	Cấp Tỉnh	Một phần
8	1.014451	Thủ tục đăng ký thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo tài trợ, đặt hàng về đổi mới công nghệ; phát triển tài sản trí tuệ, nâng cao năng suất, chất lượng; hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo.	Cấp Tỉnh	Toàn trình
9	1.014437	Thủ tục cấp lại Giấy công nhận trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, Giấy công nhận trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh, Giấy công nhận cá nhân, nhóm cá nhân khởi nghiệp sáng tạo, Giấy công nhận doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, Giấy công nhận chuyên gia hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, Giấy công nhận nhà đầu tư cá nhân khởi nghiệp sáng tạo	Cấp Tỉnh	Toàn trình
10	1.014433	Thủ tục công nhận cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo	Cấp Tỉnh	Toàn trình
11	1.014432	Thủ tục công nhận trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo	Cấp Tỉnh	Toàn trình
12	1.014439	Thủ tục công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo	Cấp Tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Cấp thực hiện	DVC trực tuyến
13	1.014438	Thủ tục công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh	Cấp Tỉnh	Toàn trình
14	1.014444	Thủ tục đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo không sử dụng ngân sách nhà nước	Cấp Tỉnh	Toàn trình
15	1.014445	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ (Nghị định số 268/2025/NĐ-CP)	Cấp Tỉnh	Toàn trình
16	1.014436	Thủ tục công nhận nhà đầu tư cá nhân khởi nghiệp sáng tạo	Cấp Tỉnh	Toàn trình
17	1.014435	Thủ tục công nhận chuyên gia hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo	Cấp Tỉnh	Toàn trình
18	1.014431	Thủ tục công nhận trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh	Cấp Tỉnh	Toàn trình
19	1.014446	Thủ tục cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ (Nghị định số 268/2025/NĐ-CP)	Cấp Tỉnh	Toàn trình
20	1.014440	Thủ tục cấp lại Giấy công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, Giấy công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh	Cấp Tỉnh	Toàn trình
21	1.014391	Cấp Giấy chứng nhận văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	Cấp Tỉnh	Toàn trình
22	1.014389	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ (Sở Khoa học và Công nghệ)	Cấp Tỉnh	Toàn trình
23	1.000421	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy phép quá cảnh hàng hóa	Cấp Tỉnh	Toàn trình
24	1.000799	Sửa đổi, bổ sung thông tin đăng ký hoạt động đánh giá tín nhiệm website thương mại điện tử	Cấp Tỉnh	Toàn trình
25	1.014394	Thành lập đơn vị trực thuộc ở nước ngoài của tổ chức khoa học và công nghệ (Sở Khoa học và Công nghệ)	Cấp Tỉnh	Toàn trình
26	1.014390	Thay đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ (Sở Khoa học và Công nghệ)	Cấp Tỉnh	Toàn trình
27	1.014388	Cho phép thành lập và phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài	Cấp Tỉnh	Toàn trình
28	1.014383	Thủ tục đặt và tổ chức xét tặng giải thưởng của tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam	Cấp Tỉnh	Toàn trình
29	1.014393	Công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển (Sở Khoa học và Công nghệ)	Cấp Tỉnh	Toàn trình
30	1.014392	Thay đổi, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	Cấp Tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Cấp thực hiện	DVC trực tuyến
31	1.000758	Thay đổi, chấm dứt thông tin đã thông báo website thương mại điện tử bán hàng	Cấp Tỉnh	Toàn trình
32	1.002968	Thay đổi, chấm dứt thông tin đã thông báo về ứng dụng bán hàng	Cấp Tỉnh	Toàn trình
33	1.001335	Nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điều thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá tiêu thụ trong nước	Cấp Tỉnh	Toàn trình
34	1.014371	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã (sau đây gọi tắt là Quỹ hợp tác xã) địa phương hoạt động theo mô hình hợp tác xã	Cấp Xã	Một phần
35	1.014359	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với dân công hòa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Một phần
36	1.014026	Phê duyệt điều chỉnh một phần kế hoạch tác động vào thời tiết trong địa giới hành chính của tỉnh	Cấp Tỉnh	Một phần
37	1.014346	Giao nộp, thu nhận thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản (cấp tỉnh)	Cấp Tỉnh	Một phần
38	2.002813	Chấm dứt hoạt động của Đề án dạy và học bằng tiếng nước ngoài	Cấp Tỉnh	Một phần
39	2.002811	Phê duyệt Đề án dạy và học bằng tiếng nước ngoài	Cấp Tỉnh	Một phần
40	2.002812	Gia hạn hoặc điều chỉnh Đề án dạy và học bằng tiếng nước ngoài	Cấp Tỉnh	Một phần
41	1.014339	Thủ tục đề nghị thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	Cấp Tỉnh	Toàn trình
42	1.014352	Thủ tục tuyển chọn chuyên gia	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Một phần
43	1.014335	Đề nghị miễn, giảm học phí trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học tư thục và cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học thuộc tổ chức kinh tế, doanh nghiệp nhà nước	Cấp Xã; Cơ quan khác	Một phần
44	1.008882	Cấp sửa đổi, bổ sung Văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong ASEAN	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Toàn trình
45	1.000366	Cấp Văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong ASEAN	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Toàn trình
46	1.001274	Cấp Giấy chứng nhận hàng hóa không thay đổi xuất xứ (CNM)	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Một phần
47	1.008667	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) mẫu EUR.1	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Toàn trình
48	1.007968	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) mẫu AHK	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Cấp thực hiện	DVC trực tuyến
49	1.014334	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong trường trung học phổ thông tư thục, cơ sở giáo dục thường xuyên tư thục, trường trung học phổ thông trong các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu	Cấp Tỉnh; Cơ quan khác	Một phần
50	1.014333	Đề nghị miễn, giảm học phí trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục đại học công lập	Cấp Tỉnh; Cơ quan khác	Một phần
51	1.013643	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu BR9	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Một phần
52	1.010762	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu RCEP	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Toàn trình
53	2.001372	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu CPTPP	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Toàn trình
54	1.014337	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục; trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục, cơ sở giáo dục thường xuyên tư thục; cơ sở giáo dục mầm non, trường tiểu học, trung học cơ sở trong các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu	Cấp Xã; Cơ quan khác	Một phần
55	1.014336	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non công lập, cơ sở giáo dục phổ thông công lập, cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông	Cấp Xã; Cơ quan khác	Một phần
56	1.013642	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu GSTP	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Một phần
57	1.010056	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu EUR.1 trong UKVFTA	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Toàn trình
58	1.001383	Cấp lại Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O)	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Toàn trình
59	1.001380	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) cấp sau	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Toàn trình
60	1.002960	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu Venezuela	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Một phần
61	1.003400	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu Thổ Nhĩ Kỳ	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Một phần
62	1.000398	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu ICO (cho hàng cà phê xuất khẩu)	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Một phần
63	1.000450	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) không ưu đãi mẫu B	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Toàn trình
64	1.000490	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi một chiều mẫu A	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Toàn trình
65	1.000431	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu VK	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Toàn trình
66	1.000664	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu VC	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Toàn trình

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Cấp thực hiện	DVC trực tuyến
67	2.000260	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu X	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Toàn trình
68	1.000676	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu S	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Toàn trình
69	2.000303	Xuất nhập khẩu Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AI	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Toàn trình
70	1.000432	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AJ	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Toàn trình
71	1.000603	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AK	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Toàn trình
72	1.008361	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu VN-CU	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Toàn trình
73	1.003522	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) giáp lưng	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Toàn trình
74	1.001370	Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) cho hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu từ doanh nghiệp chế xuất, khu chế xuất, kho ngoại quan, khu phi thuế quan và các khu vực hải quan riêng khác có quan hệ xuất nhập khẩu với nội địa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Toàn trình
75	1.001298	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) cho hàng hóa gửi kho ngoại quan đến các nước thành viên theo Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Toàn trình
76	1.000430	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu DA59 (cho hàng hóa xuất khẩu đi Châu Phi)	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Một phần
77	1.000694	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AANZ	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Toàn trình
78	1.003477	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu Peru	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Một phần
79	1.000382	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu EAV	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Toàn trình
80	1.000686	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu VJ	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Toàn trình
81	1.000695	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu E	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Toàn trình
82	1.000665	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu D	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Toàn trình
83	1.014119	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu VI	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Một phần
84	1.014332	Cấp lại Giấy chứng sinh	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Một phần
85	1.014331	Cấp Giấy chứng sinh	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Một phần

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Cấp thực hiện	DVC trực tuyến
86	1.014319	THỦ TỤC TUYỂN CHỌN KIẾN TRÚC SƯ TRƯỞNG CẤP BỘ, CẤP TỈNH, DỰ ÁN	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Một phần
87	1.014318	THỦ TỤC TUYỂN CHỌN TỔNG CÔNG TRÌNH SƯ DỰ ÁN	Cơ quan khác	Một phần
88	1.014316	Hỗ trợ chi phí	Cấp Tỉnh	Một phần
89	3.000502	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	Cấp Xã	Một phần
90	3.000501	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là tổ chức thuộc địa phương quản lý	Cấp Tỉnh	Một phần
91	1.014312	Thủ tục thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng, bảo hiểm y tế đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú	Cấp Xã	Toàn trình
92	1.014310	Thủ tục hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú	Cấp Xã	Toàn trình
93	1.014275	Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư.	Cấp Xã	Một phần
94	1.014284	Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển.	Cấp Xã	Một phần
95	1.014289	Chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản	Cấp Tỉnh	Một phần
96	1.014288	Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	Cấp Tỉnh	Một phần
97	1.014287	Điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	Cấp Tỉnh	Một phần
98	1.014285	Cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	Cấp Tỉnh	Một phần
99	1.014292	Chấp thuận thăm dò khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản đối với khoáng sản nhóm II, nhóm III và nhóm IV	Cấp Tỉnh	Một phần
100	1.014293	Chấp thuận khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản đối với khoáng sản nhóm II, nhóm III và nhóm IV	Cấp Tỉnh	Một phần
101	1.014290	Xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV	Cấp Tỉnh	Một phần
102	1.014291	Bổ sung khối lượng công tác thăm dò khi giấy phép thăm dò khoáng sản đã hết thời hạn (cấp Tỉnh)	Cấp Tỉnh	Toàn trình
103	1.014256	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản (cấp Tỉnh)	Cấp Tỉnh	Một phần
104	1.014257	Cấp giấy phép khai thác khoáng sản (cấp Tỉnh)	Cấp Tỉnh	Một phần
105	1.014268	Trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản (cấp Tỉnh)	Cấp Tỉnh	Một phần

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Cấp thực hiện	DVC trực tuyến
106	1.014265	Cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản (cấp Tỉnh)	Cấp Tỉnh	Một phần
107	1.014264	Điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản (cấp Tỉnh)	Cấp Tỉnh	Một phần
108	1.014262	Cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản (cấp Tỉnh)	Cấp Tỉnh	Một phần
109	1.014263	Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản (cấp Tỉnh)	Cấp Tỉnh	Một phần
110	1.014261	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản (cấp Tỉnh)	Cấp Tỉnh	Một phần
111	1.014286	Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	Cấp Tỉnh	Một phần
112	1.014282	Trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Cấp Tỉnh	Một phần
113	1.014280	Gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Cấp Tỉnh	Một phần
114	1.014281	Điều chỉnh giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Cấp Tỉnh	Một phần
115	1.014283	Chấp thuận chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản	Cấp Tỉnh	Một phần
116	1.014295	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (cấp Tỉnh)	Cấp Tỉnh	Một phần
117	1.014258	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản (cấp Xã)	Cấp Xã	Một phần
118	1.014259	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (cấp Xã)	Cấp Xã	Một phần
119	1.014269	Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản (cấp Tỉnh)	Cấp Tỉnh	Một phần
120	1.014266	Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản (cấp Tỉnh)	Cấp Tỉnh	Một phần
121	1.014267	Điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản (cấp Tỉnh)	Cấp Tỉnh	Một phần
122	1.014260	Lựa chọn tổ chức, cá nhân để xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản (cấp Tỉnh)	Cấp Tỉnh	Toàn trình
123	1.003068	Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm d, đ và e Khoản 1 Điều 11 Thông tư 04/2018/TT-BYT	Cấp Tỉnh	Một phần
124	1.014279	Cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Cấp Tỉnh	Một phần
125	1.014278	Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản (cấp Tỉnh)	Cấp Tỉnh	Một phần
126	1.014277	Chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản (cấp Tỉnh)	Cấp Tỉnh	Một phần
127	1.014276	Điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt (cấp Tỉnh)	Cấp Tỉnh	Một phần
128	1.014274	Phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (cấp Tỉnh)	Cấp Tỉnh	Một phần
129	1.014272	Cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản (cấp Tỉnh)	Cấp Tỉnh	Một phần
130	1.014270	Chấp thuận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản (cấp Tỉnh)	Cấp Tỉnh	Một phần
131	1.014273	Thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản (cấp Tỉnh)	Cấp Tỉnh	Một phần
132	1.014271	Chấp thuận chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (cấp Tỉnh)	Cấp Tỉnh	Một phần

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Cấp thực hiện	DVC trực tuyến
133	1.014193	Thủ tục khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Một phần
134	1.014128	Cấp bản tóm tắt hồ sơ bệnh án	Cơ quan khác	Một phần
135	1.003593	Cấp giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác trong nước (theo yêu cầu)	Cơ quan khác	Một phần
136	1.003590	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu cá	Cơ quan khác	Một phần
137	3.000251	Thủ tục xác định xe thuộc diện không chịu phí, được bù trừ hoặc trả lại tiền phí đã nộp	Cấp Tỉnh	Một phần
138	3.000253	Thủ tục đề nghị cấp/cấp lại Tem kiểm định và Tem nộp phí sử dụng đường bộ	Cấp Tỉnh	Một phần
139	1.013101	Chứng nhận kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	Cơ quan khác	Một phần
140	1.013089	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng trong trường hợp miễn kiểm định lần đầu	Cơ quan khác	Một phần
141	1.013206	Chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo	Cơ quan khác	Một phần
142	1.004337	Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật cho thiết bị xếp dỡ, nồi hơi và thiết bị áp lực đang khai thác sử dụng trong giao thông vận tải	Cấp Bộ; Cơ quan khác	Một phần
143	1.013092	Cấp lại Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng	Cơ quan khác	Một phần
144	1.013097	Cấp lại giấy chứng nhận cải tạo	Cơ quan khác	Một phần
145	1.012875	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ trong trường hợp còn hiệu lực nhưng bị mất, hư hỏng, rách hoặc có sự sai khác về thông tin	Cấp Bộ; Cơ quan khác	Một phần
146	1.003563	Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá	Cơ quan khác	Một phần
147	1.008685	Đề nghị thực hiện kỹ thuật mang thai hộ vì mục đích nhân đạo	Cơ quan khác	Một phần
148	1.008681	Đề nghị thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm	Cơ quan khác	Một phần
149	1.005103	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy)	Cơ quan khác	Một phần

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Cấp thực hiện	DVC trực tuyến
150	2.002621	Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	Cơ quan khác; Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Toàn trình
151	2.002622	Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất	Cơ quan khác; Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Toàn trình
Tổng cộng: 151 TTHC				